

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 2	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	16
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	18
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	20
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	22
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	11	24
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	13	26



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

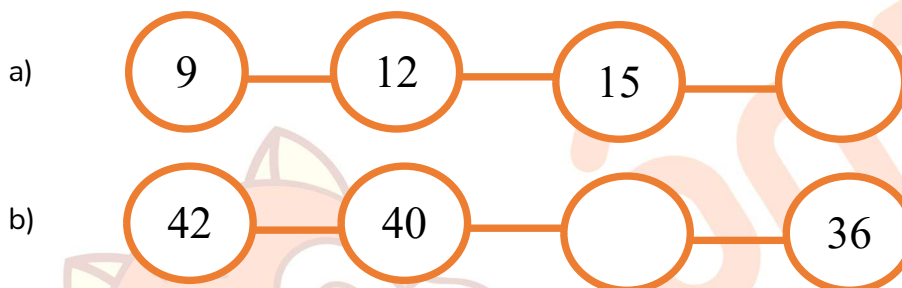
Câu 1. Mạnh có 40 viên bi, Huy có ít hơn Mạnh 22 viên bi. Vậy Huy có số viên bi là:

- A. 18 viên bi B. 28 viên bi C. 62 viên bi D. 32 viên bi

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

Câu 3. Quan sát hình dưới đây.



Các số cần điền vào chỗ trống của câu a) và b) lần lượt là:

- A. 17 ; 37 B. 20; 38 C. 38 ; 18 D. 18 ; 38

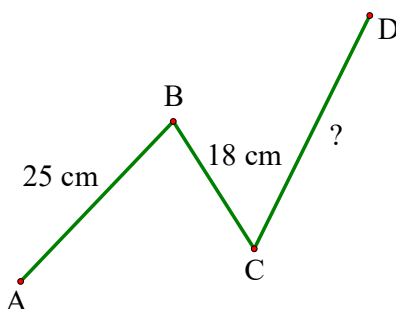
Câu 4. Trong một rổ hoa quả có 16 quả táo. Số quả cam nhiều hơn số quả táo là 6 quả. Hỏi trong rổ có bao nhiêu quả cam?

- A. 24 quả cam B. 10 quả cam C. 20 quả cam D. 22 quả cam

Câu 5. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ trống:

$$45 + 38 \quad \square \quad 91 - 9$$

Câu 6. Cho đường gấp khúc ABCD có độ dài là 74 cm. Biết độ dài đoạn thẳng AB là 25 cm, độ dài đoạn thẳng BC là 18 cm. Tính độ dài đoạn thẳng CD.



- A. 24 cm B. 14 cm C. 31 cm D. 19 cm

Câu 7. Các số thích hợp điền vào chỗ trống dưới đây lần lượt là:

$$42 + 18 = \boxed{} = 36 + \boxed{}$$

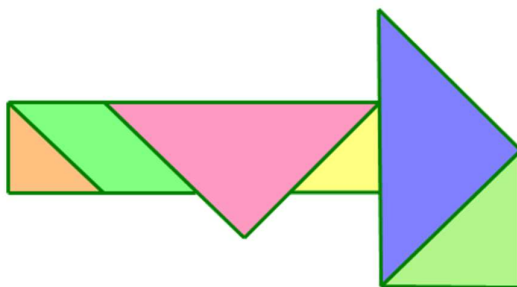
A. 50 và 14

B. 60 và 24

C. 50 và 24

D. 60 và 34

Câu 8. Trong hình sau đây, có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$$56 + 7$$

$$19 + 35$$

$$61 - 24$$

$$90 - 72$$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$$

$$92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

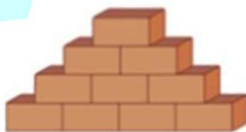
$$53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$$

Bài 3. Thùng A có 82 lít dầu. Sau khi đổ từ thùng A vào đầy một chiếc bình 26 lít và 1 chiếc bình 19 lít thì trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

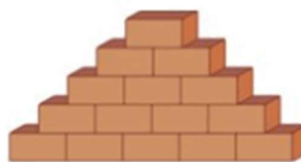
Bài 4. Các viên gạch được sắp xếp thành các hình khối theo quy luật như hình dưới đây:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Hỏi hình thứ 4 được xếp từ bao nhiêu viên gạch?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là:

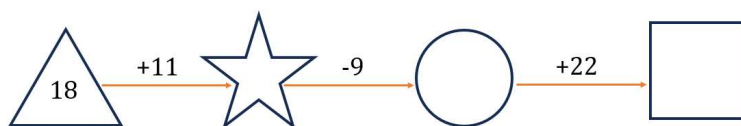
- A. 98 B. 99 C. 100 D. 90

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$17 \text{ kg} + 11 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

Câu 3. Số gồm 6 chục và 8 đơn vị được viết là:

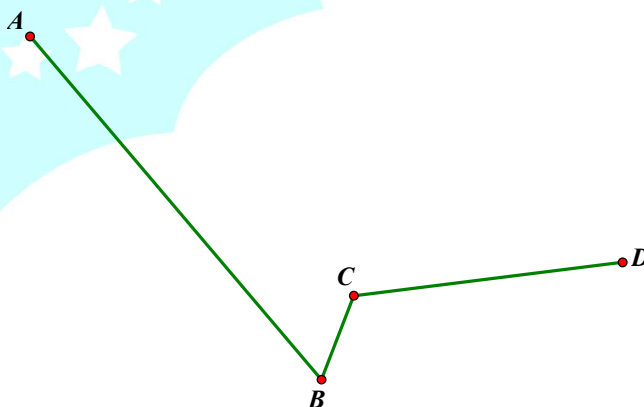
- A. 86 B. 68 C. 60 D. 88

Câu 4. Điền số thích hợp vào ô vuông:

- A. 29 B. 20 C. 42 D. 24

Câu 5. Trong thư viện, có 63 quyển sách được xếp vào 2 kệ. Người ta xếp vào kệ thứ nhất 26 quyển sách. Hỏi kệ thứ hai có bao nhiêu quyển sách?

- A. 21 B. 37 C. 79 D. 55

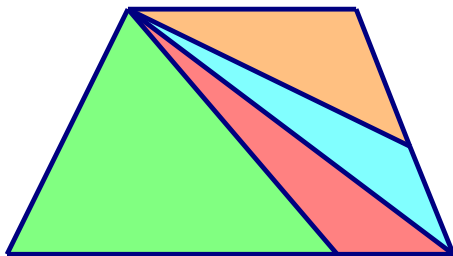
Câu 6. Cho đường gấp khúc ABCD (như hình vẽ) có độ dài là 99 cm. Biết độ dài đoạn thẳng AB là 55 cm, độ dài đoạn thẳng CD là 33 cm. Tính độ dài đoạn thẳng BC.

- A. 11 cm B. 13 cm C. 15 cm D. 22 cm

Câu 7. Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

- A. $44 - 22$ B. $35 + 11$ C. $79 - 19$ D. $65 - 44$

Câu 8. Hình vẽ sau có mấy hình tứ giác?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$$52 + 17$$

$$78 - 25$$

$$89 - 45$$

$$67 + 32$$

Bài 2. Điền dấu “>”, “<”, “=” thích hợp vào chỗ chấm:

a) $17 \text{ cm} + 5 \text{ dm} \dots\dots\dots 76 \text{ cm}$

b) $64 \text{ l} - 23 \text{ l} + 15 \text{ l} \dots\dots\dots 88 \text{ l}$

c) $36 \text{ kg} + 63 \text{ kg} - 77 \text{ kg} \dots\dots\dots 18 \text{ kg}$

Bài 3. Một cửa hàng có 48 cái bánh. Buổi sáng bán được số bánh bằng số tròn chục liền trước 40. Buổi chiều bán thêm 7 cái bánh. Hỏi cả ngày cửa hàng đã bán được bao nhiêu cái bánh?

Bài 4. Biết hai cân đầu tiên đã thăng bằng. Hỏi cần đặt bao nhiêu con vịt vào đĩa cân bên phải cân thứ ba để cân thăng bằng?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Trên tia số các số lớn hơn 19 và nhỏ hơn 23 là:



- A. 21 ; 22 B. 20; 21; 22 C. 22; 23 D. 20; 22

Câu 2. Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ trống:

$$9 + 6 - 8 \quad \square \quad 15 - 7 + 6$$

Câu 3. 45 là tổng của cặp số nào sau đây?

- A. 32 và 21 B. 11 và 34 C. 27 và 19 D. 10 và 28

Câu 4. Trong một hộp đồ dùng học tập có 13 chiếc bút chì màu và số bút chì màu nhiều hơn số bút mực là 7 chiếc. Hỏi trong hộp đồ dùng học tập có bao nhiêu chiếc bút mực?

- A. 5 chiếc B. 8 chiếc C. 7 chiếc D. 6 chiếc

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$\star 74 + \square = 83$$

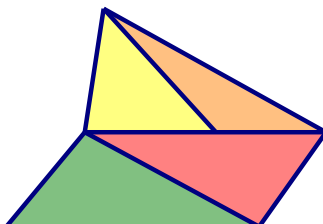
Câu 6. Buổi sáng Lan thu được 5kg chai nhựa. Buổi chiều Lan thu được 9kg chai nhựa. Lan thu như thế trong hai ngày. Hỏi cả hai ngày Lan thu được bao nhiêu ki-lô-gam chai nhựa?

- A. 14kg B. 18kg C. 29kg D. 28kg

Câu 7. Hôm nay là thứ Tư ngày 21 tháng 8. Vậy thứ Tư tuần sau là ngày mấy tháng 8?

- A. Ngày 28 B. Ngày 15 C. Ngày 26 D. Ngày 17

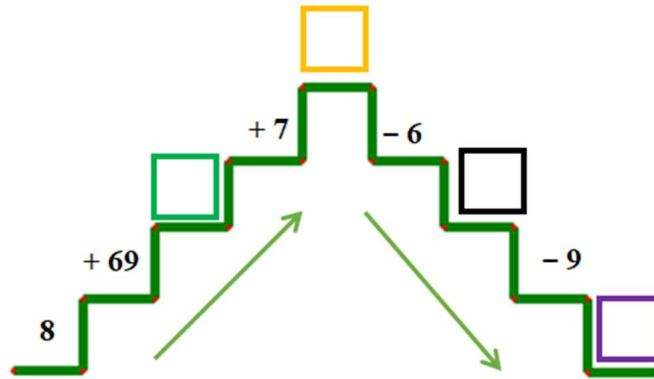
Câu 8. Hình vẽ sau có bao nhiêu đoạn thẳng?



- A. 8 đoạn thẳng B. 9 đoạn thẳng
C. 10 đoạn thẳng D. 11 đoạn thẳng

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:



- Ô trống màu xanh:
- Ô trống màu vàng:
- Ô trống màu đen:
- Ô trống màu tím:

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Một số khi cộng với hiệu của 15 và 8 thì được 58. Vậy số đó là 51.

☐

b) Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 bằng 89.

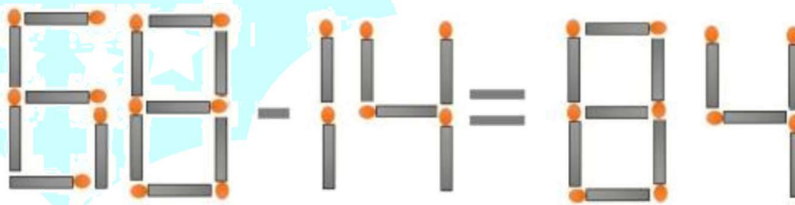
☐

c) Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số tròn chục liền sau 30 bằng 69.

☐

Bài 3. Mít đang xếp hàng lên xe buýt đi chơi. Mít thấy mình đứng thứ 8 tính từ đầu hàng và xếp sau Mít có thêm 7 bạn nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn đang xếp hàng?

Bài 4. Quan sát phép tính sau:



Đổi 1 que diêm để được phép tính đúng. Em hãy viết phép tính đúng đó.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tìm số mà chiếc bánh kem đang che mất.



$$+ 46 = 88$$

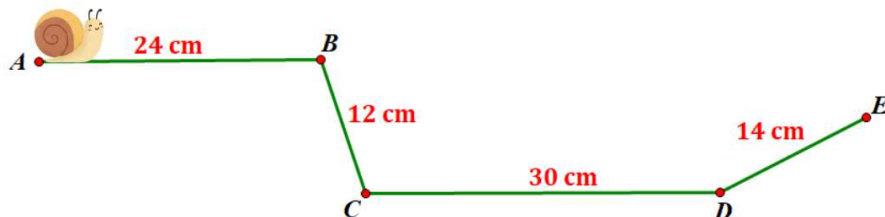
A. 44

B. 42

C. 24

D. 22

Câu 2. Chú ốc sên bò từ A đến E (như hình vẽ). Hỏi chú ốc sên phải bò đoạn đường dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



A. 80 cm

B. 66 cm

C. 50 cm

D. 56 cm

Câu 3. 65 là hiệu của cặp số nào sau đây?

A. 73 và 21

B. 51 và 14

C. 88 và 23

D. 96 và 41

Câu 4. Lan có số bông hoa là số liền trước của 40. Ngọc nhiều hơn Lan 5 bông hoa. Ngọc có bao nhiêu bông hoa?

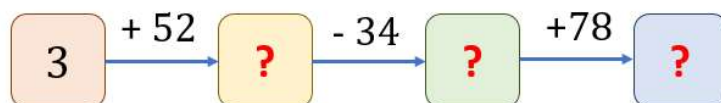
A. 5

B. 34

C. 39

D. 44

Câu 5. Số thích hợp cần điền vào ô màu xanh lá là bao nhiêu?



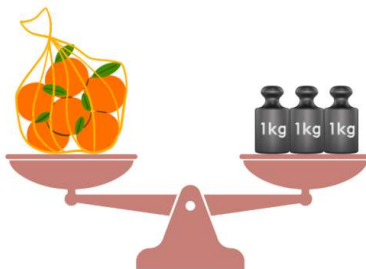
A. 55

B. 21

C. 65

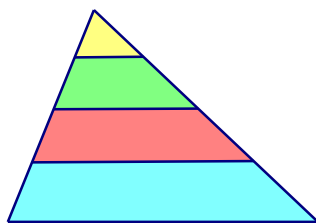
D. 99

Câu 6. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết túi cam nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



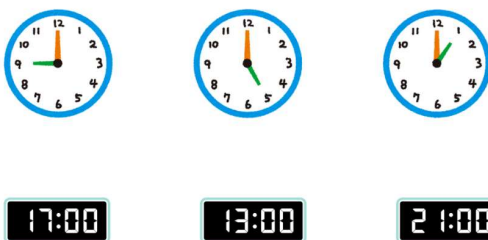
- A. 1 kg B. 2 kg C. 3 kg D. 4 kg

Câu 7. Hình vẽ sau có mấy hình tứ giác?



- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 8. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian:



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính:

a) $45 + 11 - 23$

b) $98 - 65 + 42$

c) $18 - 9 + 71$

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

1 tuần có ngày.

Tháng 7 có ngày.

2 ngày có giờ.

Tháng, tháng, tháng, tháng có 30 ngày.

Bài 3. Trên sân có 36 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 13 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?

Bài 4. Hãy tính giá trị của một bông hoa:

 +  = 3

 +  = 4

 +  = 5

 +  = 

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

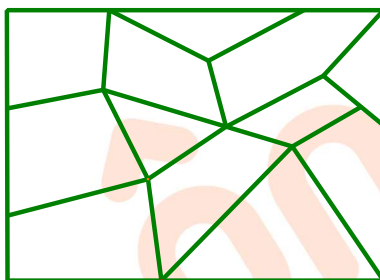
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

2 ; 12 ; 22 ; ; ; 52 ; 62.

Câu 2. Bạn Voi sơn màu vàng vào các mảnh ghép hình tứ giác, các mảnh ghép còn lại bạn sơn màu xanh lá cây và màu hồng. Hỏi có bao nhiêu mảnh ghép được sơn màu vàng?



- A. 6 mảnh ghép B. 7 mảnh ghép C. 8 mảnh ghép D. 9 mảnh ghép

Câu 3. Các số thích hợp điền vào các chỗ trống dưới đây lần lượt là:

$$43 + 17 = \square = 36 + \square$$

- A. 50 và 14 B. 50 và 24 C. 60 và 24 D. 60 và 34

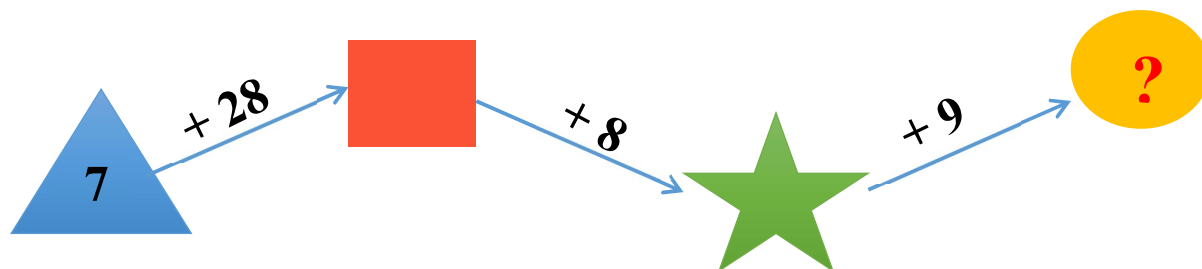
Câu 4. Tháng 9, bạn Nhi nhận được 56 ngôi sao thi đua. Tháng 10, bạn Nhi nhận được ít hơn tháng 9 là 8 ngôi sao thi đua. Hỏi tháng 10 bạn Nhi nhận được bao nhiêu ngôi sao thi đua?

- A. 28 ngôi sao B. 38 ngôi sao C. 37 ngôi sao D. 48 ngôi sao

Câu 5. Một số cộng với hiệu của 17 và 9 thì được 68. Tìm số đó.

- A. 60 B. 65 C. 70 D. 75

Câu 6. Số thích hợp cần điền vào hình tròn là:



- A. 43 B. 52 C. 56 D. 57

Câu 7. Một người theo dõi thời tiết đã ghi lại thời tiết trong tháng 4 như sau:

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4										
	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

Em quan sát hình trên và cho biết câu nào dưới đây là đúng?

- A. Số ngày mưa nhiều nhất trong tháng
- B. Số ngày nhiều mây nhiều nhất trong tháng
- C. Số ngày nắng nhiều nhất trong tháng
- D. Số ngày mưa ít nhất trong tháng

Câu 8. Chủ nhật tuần này là ngày 19 tháng 8. Vậy Chủ nhật tuần trước là ngày bao nhiêu tháng 8?

- A. Ngày 16
- B. Ngày 12
- C. Ngày 21
- D. Ngày 24

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

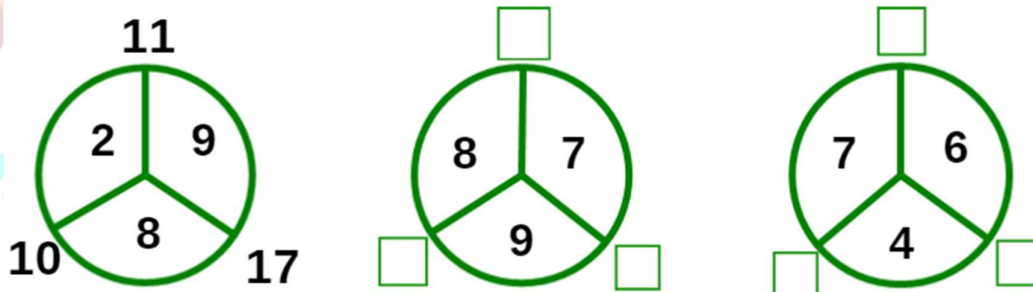
$$57 + 6$$

$$15 + 39$$

$$64 - 25$$

$$100 - 81$$

Bài 2. Quan sát hình dưới đây và điền các số còn thiếu vào ô trống:



Bài 3. Nhà Hồng Xiêm có một giá sách gồm 2 ngăn, mỗi ngăn là 42 quyển sách. Hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ cho trẻ em những vùng khó khăn, gia đình Hồng Xiêm đã quyên góp 30 quyển sách. Hỏi sau khi quyên góp, trên giá sách nhà Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu quyển sách?

Bài 4. Vùng sấu tằm được 17 cái sticker. Anh trai Vùng sấu tằm được 12 cái sticker. Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu trang để trưng bày được toàn bộ số sticker của hai anh em?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. An, Mai, Linh và Nam cùng đi chuyển bằng ô tô đến điểm dã ngoại. Hỏi các bạn có mặt tại đó vào lúc mấy giờ?



A. 7 giờ

B. 8 giờ

C. 7 giờ 30 phút

D. 8 giờ 30 phút

Câu 2. Dãy số được viết theo thứ tự giảm dần là:

A. 93; 45; 89; 23; 1

B. 78; 65; 43; 23; 35

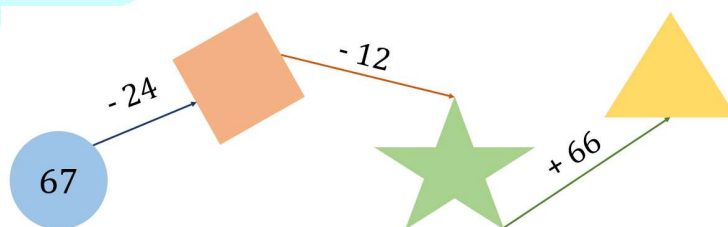
C. 56; 45; 40; 34; 21

D. 86; 67; 45; 55; 15

Câu 3. Điền “có thể, không thể, chắc chắn” thích hợp vào chỗ chấm:

Lina được tặng một hộp quà bí mật gồm các túi mù chưa xé. Trong đó có 3 túi babythree và 5 túi capybara. Khi Lina chọn ngẫu nhiên một túi để xé, Lina xé được túi mù về Doraemon.

Câu 4. Số cần điền vào tam giác là?



A. 43

B. 97

C. 31

D. 35

Câu 5. Thứ Năm tuần này là ngày 20 tháng 11. Vậy thứ Năm tuần sau là ngày bao nhiêu tháng 11?

A. Ngày 13

B. Ngày 27

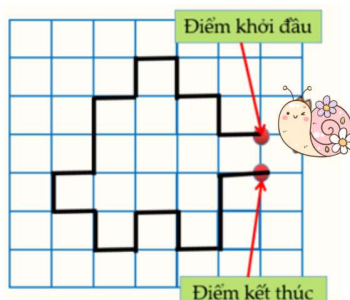
C. Ngày 14

D. Ngày 26

Câu 6. Trên chuyến tàu điện Metro đang chở 85 hành khách. Tới ga Ba Son, có 15 người xuống tàu và 8 người lên tàu. Hỏi lúc này trên tàu điện Metro có bao nhiêu hành khách?

- A. 78 hành khách
B. 70 hành khách
C. 62 hành khách
D. 93 hành khách

Câu 7. Con Ốc sên đang xuất phát từ điểm khởi đầu để đến điểm kết thúc theo đường gấp khúc dưới đây. Hỏi con Ốc sên đã bò được quãng đường dài bao nhiêu đề-xi-mét? Biết cạnh mỗi ô vuông là 1 đề-xi-mét.



- A. 18 dm
B. 19 dm
C. 20 dm
D. 21 dm

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 2?

- A. 5
B. 6
C. 7
D. 8

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$$58 + 23$$

$$89 - 29$$

$$67 + 15$$

$$37 - 19$$

Bài 2. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm:

$$2 \text{ dm} + 34 \text{ cm} \dots\dots\dots 54 \text{ cm}$$

$$9 \text{ dm} - 45 \text{ cm} \dots\dots\dots 62 \text{ cm}$$

$$4 \text{ dm} + 52 \text{ cm} \dots\dots\dots 8 \text{ dm} + 10 \text{ cm}$$

Bài 3. Bốn năm trước, tổng số tuổi của bố và Nam là 56 tuổi. Hiện nay tổng số tuổi của hai bố con là bao nhiêu tuổi?

Bài 4. Anna và Lili sống trên một con đường và trên cùng một dãy nhà. Biết rằng bên trái nhà Anna có 13 ngôi nhà và bên phải có 27 ngôi nhà. Số nhà bên phải nhà Lili bằng số nhà bên trái nhà Lili. Hỏi có bao nhiêu ngôi nhà ở giữa nhà Anna và Lili?



Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	90	D	D	>	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$56 + 7$$

$$19 + 35$$

$$61 - 24$$

$$90 - 72$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 56 \\ + 7 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 35 \\ \hline 54 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 24 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 72 \\ \hline 18 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$$

$$92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

$$53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$$

Lời giải

Ta có:

$$+) 6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = 60 \text{ cm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = 52 \text{ cm}$$

$$+) 92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = 61 \text{ kg}$$

$$+) 53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = 65 \text{ l}$$

Bài 3. (2 điểm) Thùng A có 82 lít dầu. Sau khi đổ từ thùng A vào đầy một chiếc bình 26 lít và 1 chiếc bình 19 lít thì trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

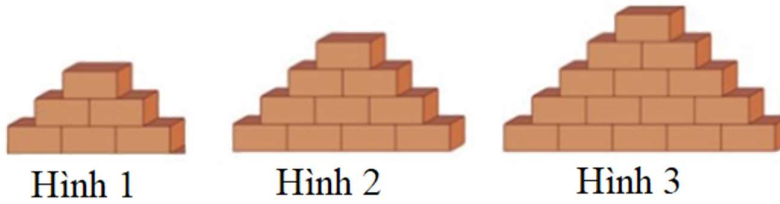
Lời giải

Tổng số dầu đổ vào bình 26 lít và bình 19 lít là: $26 + 19 = 45$ (lít).

Số dầu còn lại trong thùng là: $82 - 45 = 37$ (lít).

Đáp số: 37 lít dầu.

Bài 4. (0,5 điểm) Các viên gạch được sắp xếp thành các hình khối theo quy luật như hình dưới đây:



Hỏi hình thứ 4 được xếp từ bao nhiêu viên gạch?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Hình thứ 4 được xếp từ **21** viên gạch.

(Ta thấy hình 1 có 3 tầng và có $1 + 2 + 3 = 6$ (viên gạch).

Hình 2 có 4 tầng và có $1 + 2 + 3 + 4 = 10$ (viên gạch).

Hình 3 có 5 tầng và có $1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15$ (viên gạch)

Vậy hình thứ 4 có 6 tầng và được xếp từ số viên gạch là:

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21 \text{ (viên gạch).}$$



ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	28	B	C	B	A	D	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$52 + 17$$

$$78 - 25$$

$$89 - 45$$

$$67 + 32$$

Lời giải:

$$\begin{array}{r} 52 \\ + 17 \\ \hline 69 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 25 \\ \hline 53 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 89 \\ - 45 \\ \hline 44 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 32 \\ \hline 99 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu ">"; "<"; "=" thích hợp vào chỗ chấm:

a) $17 \text{ cm} + 5 \text{ dm} \dots\dots\dots 76 \text{ cm}$

b) $64 \text{ l} - 23 \text{ l} + 15 \text{ l} \dots\dots\dots 88 \text{ l}$

c) $36 \text{ kg} + 63 \text{ kg} - 77 \text{ kg} \dots\dots\dots 18 \text{ kg}$

Lời giải:

a) $17 \text{ cm} + 5 \text{ dm} = 17 \text{ cm} + 50 \text{ cm} = 67 \text{ cm} < 76 \text{ cm}$

b) $64 \text{ l} - 23 \text{ l} + 15 \text{ l} = 41 \text{ l} + 15 \text{ l} = 56 \text{ l} < 88 \text{ l}$

c) $36 \text{ kg} + 63 \text{ kg} - 77 \text{ kg} = 99 \text{ kg} - 77 \text{ kg} = 22 \text{ kg} > 18 \text{ kg}$

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có 48 cái bánh. Buổi sáng bán được số bánh bằng số tròn chục liền trước 40. Buổi chiều bán thêm 7 cái bánh. Hỏi cả ngày cửa hàng đã bán được bao nhiêu cái bánh?

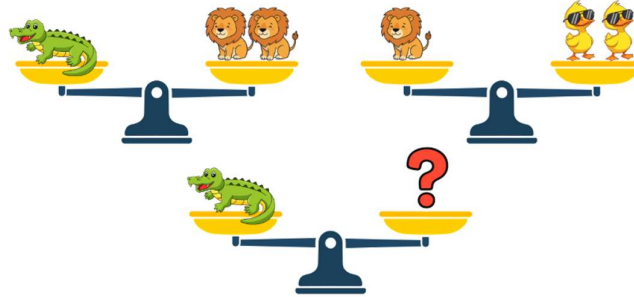
Lời giải:

Số tròn chục liền trước 40 là 30. Do đó, buổi sáng bán được 30 cái bánh.

Cả ngày cửa hàng bán được số cái bánh là: $30 + 7 = 37$ (cái bánh)

Đáp số: 37 cái bánh

Bài 4. (0,5 điểm) Biết hai cân đầu tiên đã thăng bằng. Hỏi cần đặt bao nhiêu con vịt vào đĩa cân bên phải cân thứ ba để cân thăng bằng?



Trả lời:

Lời giải:

Trả lời: Kết quả thích hợp để thay dấu “?” là: **4**

(Từ cái cân thứ 2, suy ra: 1 con sư tử = 2 con vịt.

Suy ra, 2 con sư tử = 4 con vịt.

Từ cái cân thứ 1, 1 con cá sấu = 2 con sư tử suy ra 1 con cá sấu = 4 con vịt.)



ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

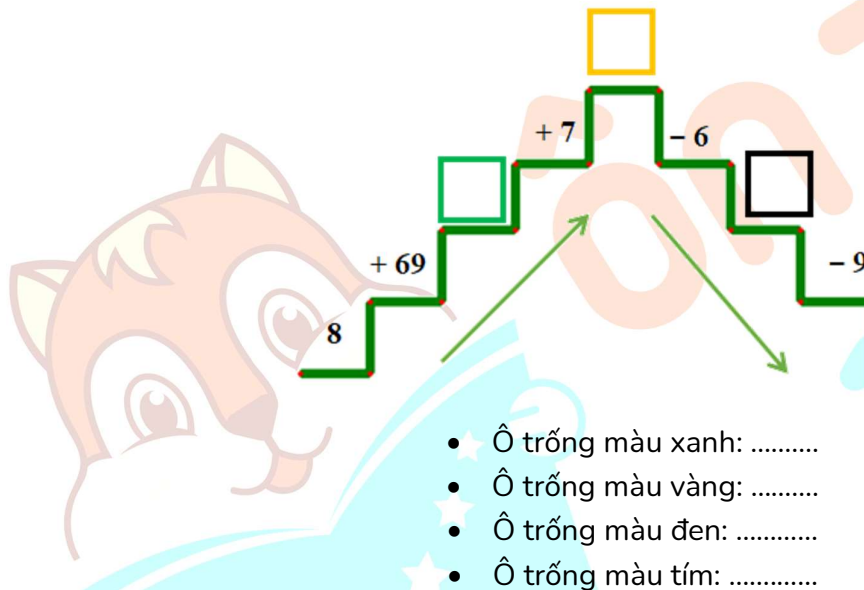
I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	<	B	D	9	D	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ chấm



Lời giải

Thực hiện các phép tính theo chiều mũi tên ta có:

- $8 + 69 = 77$
- $77 + 7 = 84$
- $84 - 6 = 78$
- $78 - 9 = 69$

Vậy: Ô trống màu xanh: 77.

Ô trống màu vàng: 84.

Ô trống màu đen: 78.

Ô trống màu tím: 69.

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Một số khi cộng với hiệu của 15 và 8 thì được 58. Vậy số đó là 51.

☐

b) Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 bằng 89.

☐

c) Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số tròn chục liền sau 30 bằng 69.

☐

Lời giải:

a) Hiệu của 15 và 8 là: $15 - 8 = 7$.

Số đó là: $58 - 7 = 51$.

Vậy điền là: Đ.

b) Số lớn nhất có hai chữ số là: 99.

Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 là: $99 - 20 = 79$.

Vậy điền là: S.

c) Số lớn nhất có một chữ số là: 9.

Số tròn chục liền sau 30 là: 40.

Tổng của hai số đó là: $9 + 40 = 49$.

Vậy điền là: S.

Bài 3. (2 điểm) Mít đang xếp hàng lên xe buýt đi chơi. Mít thấy mình đứng thứ 8 tính từ đầu hàng và xếp sau Mít có thêm 7 bạn nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn đang xếp hàng?

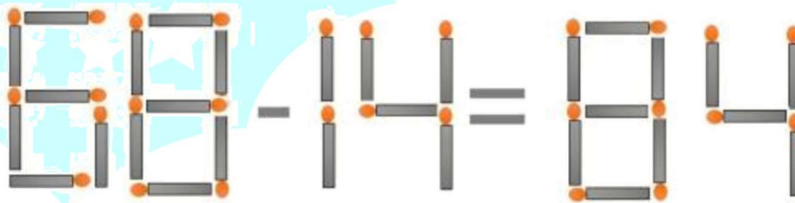
Lời giải:

Mít đứng thứ 8 tính từ đầu hàng nên tính từ đầu hàng đến Mít có tất cả 8 bạn.

Có tất cả số bạn đang xếp hàng là: $8 + 7 = 15$ (bạn).

Đáp số: 15 bạn.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát phép tính sau:



Đổi 1 que diêm để được phép tính đúng. Em hãy viết phép tính đúng đó.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Phép tính đúng đó là: $98 - 14 = 84$.

(Ta đổi 1 que diêm ở số 6 để biến số 6 thành số 9 và nhận được phép tính đúng là:

$98 - 14 = 84$.)

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

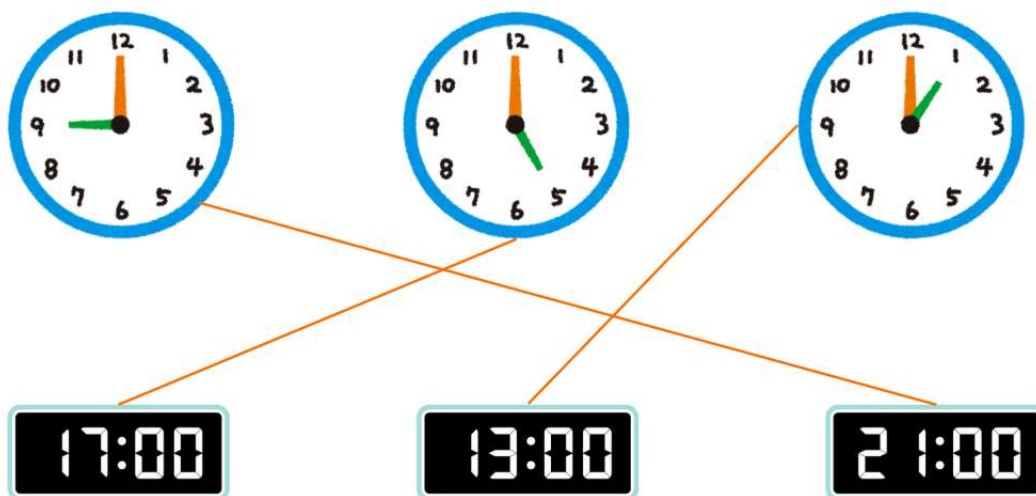
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	A	C	D	B	C	A

Câu 8.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính:

a) $45 + 11 - 23$

b) $98 - 65 + 42$

c) $18 - 9 + 71$

Lời giải

a) $45 + 11 - 23 = 56 - 23 = 33$

b) $98 - 65 + 42 = 33 + 42 = 75$

c) $18 - 9 + 71 = 9 + 71 = 80$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

1 tuần có ngày.

Tháng 7 có ngày.

2 ngày có giờ.

Tháng, tháng, tháng, tháng có 30 ngày.

Lời giải

1 tuần có **7** ngày.

Tháng 7 có **31** ngày.

2 ngày có **48** giờ.

Tháng **4**, tháng **6**, tháng **9**, tháng **11** có 30 ngày.

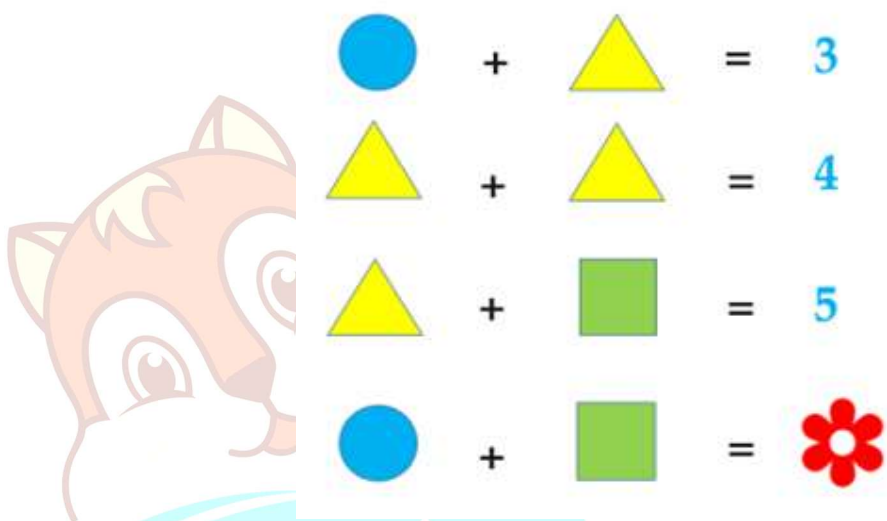
Bài 3. (2 điểm) Trên sân có 36 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 13 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?

Lời giải

Trên sân có số con vịt là: $36 + 13 = 49$ (con)

Đáp số: 49 con vịt

Bài 4. (0,5 điểm) Hãy tính giá trị của một bông hoa:

**Lời giải**

Trả lời: 4

(Ta có: 2 tam giác = 4 suy ra 1 tam giác = 2

1 hình tròn + 1 tam giác = 3 suy ra 1 hình tròn = $3 - 2 = 1$

1 tam giác + 1 hình vuông = 5 suy ra 1 hình vuông = $5 - 2 = 3$

1 hình tròn + 1 hình vuông = $1 + 3 = 4$

Suy ra 1 bông hoa = 4).

ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	32 ; 42	B	C	D	A	B	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$57 + 6$$

$$15 + 39$$

$$64 - 25$$

$$100 - 81$$

Lời giải

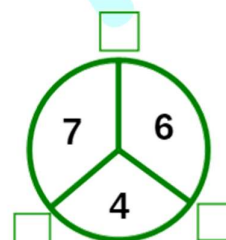
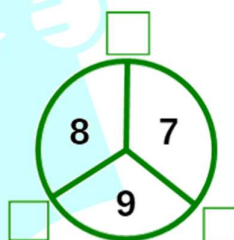
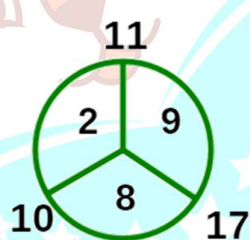
$$\begin{array}{r} 57 \\ + 6 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 39 \\ \hline 54 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ - 25 \\ \hline 39 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 81 \\ \hline 19 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát hình dưới đây và điền các số còn thiếu vào ô trống:



Lời giải

Quan sát hình thứ nhất ta thấy:

$$2 + 9 = 11 ; 2 + 8 = 10 ; 8 + 9 = 17.$$

Mỗi số nằm ngoài hình tròn chính bằng tổng của 2 số nằm trong hình tròn.

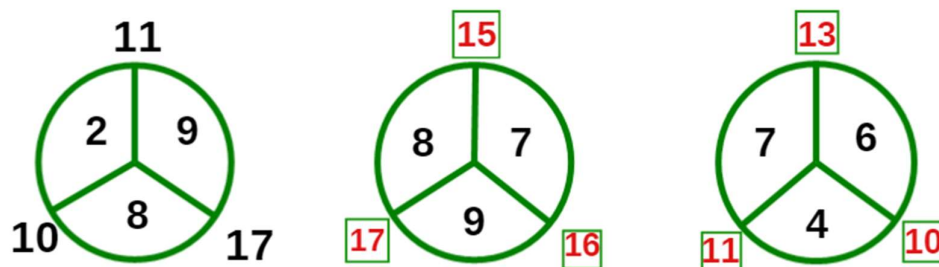
Do đó ta có:

Hình thứ hai:

$$8 + 7 = 15 ; 8 + 9 = 17 ; 9 + 7 = 16$$

$$\text{Hình thứ ba: } 7 + 6 = 13 ; 7 + 4 = 11 ; 4 + 6 = 10.$$

Vậy đáp án là:



Bài 3. (2 điểm) Nhà Hồng Xiêm có một giá sách gồm 2 ngăn, mỗi ngăn là 42 quyển sách. Hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ cho trẻ em những vùng khó khăn, gia đình Hồng Xiêm đã quyên góp 30 quyển sách. Hỏi sau khi quyên góp, trên giá sách nhà Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Tổng số sách ở cả hai ngăn là: $42 + 42 = 84$ (quyển)

Trên giá còn lại số quyển sách là: $84 - 30 = 54$ (quyển)

Đáp số: 54 quyển sách.

Bài 4. (0,5 điểm) Vùng sưu tầm được 17 cái sticker. Anh trai Vùng sưu tầm được 12 cái sticker. Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu trang để trưng bày được toàn bộ số sticker của hai anh em?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Cần ít nhất **4** trang để trưng bày được toàn bộ số tem của hai anh em.

(Tổng số sticker của hai anh em Vùng là: $17 + 12 = 29$ (cái sticker)).

Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker nên ta có:

+) Trang thứ nhất: 9 cái sticker

+) Trang thứ hai: 9 cái sticker

+) Trang thứ ba: 9 cái sticker

+) Trang thứ tư: 2 cái sticker (vì: $29 - 9 - 9 - 9 = 2$)

Do đó cần ít nhất 4 trang để trưng bày được toàn bộ số sticker của hai anh em.)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	Không thể	B	B	A	D	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$58 + 23$$

$$89 - 29$$

$$67 + 15$$

$$37 - 19$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 23 \\ \hline 81 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 89 \\ - 29 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 15 \\ \hline 82 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ - 19 \\ \hline 18 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm:

$$2 \text{ dm} + 34 \text{ cm} \dots\dots\dots 54 \text{ cm}$$

$$9 \text{ dm} - 45 \text{ cm} \dots\dots\dots 62 \text{ cm}$$

$$4 \text{ dm} + 52 \text{ cm} \dots\dots\dots 8 \text{ dm} + 10 \text{ cm}$$

Lời giải

$$2 \text{ dm} + 34 \text{ cm} = 54 \text{ cm}$$

$$9 \text{ dm} - 45 \text{ cm} < 62 \text{ cm}$$

$$4 \text{ dm} + 52 \text{ cm} > 8 \text{ dm} + 10 \text{ cm}$$

Bài 3. (2 điểm) Bốn năm trước, tổng số tuổi của bố và Nam là 56 tuổi. Hiện nay tổng số tuổi của hai bố con là bao nhiêu tuổi?

Lời giải

Vì mỗi năm mỗi người thêm 1 tuổi nên sau 4 năm mỗi người tăng thêm 4 tuổi.

Tổng số tuổi của bố và Nam hiện nay là:

$$56 + 4 + 4 = 64 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 64 tuổi

Bài 4. (0,5 điểm) Anna và Lili sống trên một con đường và trên cùng một dãy nhà. Biết rằng bên trái nhà Anna có 13 ngôi nhà và bên phải có 27 ngôi nhà. Số nhà bên phải nhà Lili bằng số nhà bên trái nhà Lili. Hỏi có bao nhiêu ngôi nhà ở giữa nhà Anna và Lili?



Lời giải

Trả lời: 6

(Tính từ trái qua phải, nhà Anna là ngôi nhà thứ 14.

Dãy nhà đó có tất cả số ngôi nhà là: $13 + 1 + 27 = 41$ ngôi nhà.

Vì số nhà bên phải nhà Lili bằng số nhà bên trái nhà Lili $\rightarrow$ Nhà Lili là ngôi nhà thứ 21.

Vậy giữa nhà Anna và Lili có tất cả 6 ngôi nhà.)

